



CHUYÊN ĐỀ LÝ THUYẾT LẦN 10

Đề số 1

Câu 1: Ion Cu^{2+} oxi hóa được kim loại nào sau đây.

- A. Ag B. Al C. Cu D. Au

Câu 2: Kim loại M có thể điều chế được bằng tất cả các phương pháp như thủy luyện, nhiệt luyện, điện phân. Kim loại M là kim loại nào trong các kim loại sau.

- A. Al B. Mg C. Cu D. Na

Câu 3: Kim loại nào sau đây là kim loại kiềm thổ.

- A. Fe B. Ca C. Al D. Na

Câu 4: Để phân biệt glucozơ và fructozơ thì nên chọn thuốc thử nào dưới đây.

- A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường B. Dung dịch AgNO_3 trong NH_3
C. Dung dịch nước Br_2 D. $\text{Cu}(\text{OH})_2$ trong môi trường kiềm, đun nóng

Câu 5: Polime được điều chế bằng phản ứng trùng hợp là.

- A. poli(etylen-terephtalat). B. Tơ olon
C. nilon-6,6. D. xenlulozơ triaxetat.

Câu 6: Kim loại nào sau đây **không** tác dụng được với dung dịch FeCl_3 .

- A. Ag B. Fe C. Cu D. Ca

Câu 7: Cho dãy các kim loại: Fe, Cu, Mg, Ag, Al, Na, Ba. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch HCl là.

- A. 3 B. 4 C. 6 D. 5

Câu 8: Chất nào dưới đây **không** phải là este.

- A. HCOOC_6H_5 B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ C. CH_3COOH D. HCOOCH_3

Câu 9: Tên gọi nào sau đây đúng với $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$.

- A. Metylamin B. Anilin C. Etanamin D. Alanin

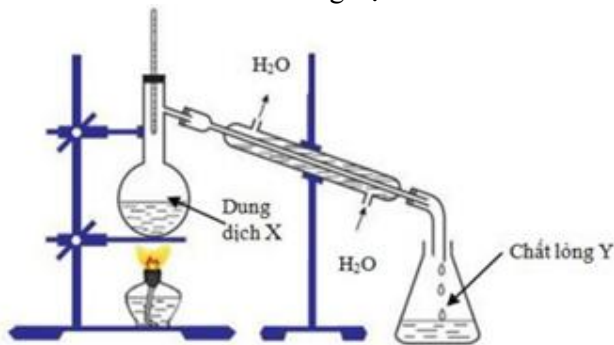
Câu 10: Cặp chất nào sau đây **không** phải là đồng phân của nhau.

- A. Metyl fomat và axit axetic B. Mantozơ và saccarozơ.
C. Fructozơ và glucozơ. D. Tinh bột và xenlulozơ

Câu 11: Phát biểu nào sau đây là **sai**.

- A. Anilin tác dụng với dung dịch HCl, lấy sản phẩm cho tác dụng với NaOH lại thu được anilin.
B. Các amino axit là chất rắn kết tinh, dễ tan trong nước và có nhiệt độ nóng chảy khá cao.
C. Các peptit đều tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ cho hợp chất có màu tím đặc trưng.
D. Tính bazơ của amoniac mạnh hơn anilin nhưng lại yếu hơn metylamin

Câu 12: Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế chất lỏng Y từ dung dịch X.



Trong thí nghiệm trên, xảy ra phản ứng hóa học nào sau đây.

- A. $\text{CH}_2\text{COOH} + \text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH} \rightleftharpoons \text{CH}_3\text{CHOOC}_2\text{H}_5 + \text{H}_2\text{O}$ (xúc tác: H_2SO_4 đặc, t°)
B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2 + \text{HCl} \rightarrow \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_3\text{Cl}$
C. $\text{C}_2\text{H}_4 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ (xúc tác: H_2SO_4 loãng, $t^\circ 80^\circ\text{C}$)
D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH} \rightarrow \text{C}_2\text{H}_4 + \text{H}_2\text{O}$ (xúc tác: H_2SO_4 đặc, $t^\circ 170^\circ\text{C}$)

Câu 13: Ở điều kiện thường, dãy gồm các kim loại hòa tan được trong dung dịch NaOH loãng là.

- A. Al, Zn. B. Al, Zn, Cr. C. Al, Cr. D. Cr, Zn.



Câu 14: Điện phân với điện cực trơ dung dịch nào sau đây thì pH của dung dịch không thay đổi trong quá trình điện phân.

- A. AgNO_3 . B. NaNO_3 . C. HCl . D. CuSO_4 .

Câu 15: Phản ứng nào sau đây **không** tạo ra muối Fe (III).

- A. Fe tác dụng với dung dịch HNO_3 đặc, nóng, dư
 B. $\text{Fe}(\text{OH})_2$ tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng, dư
 C. Cho bột Fe đến dư vào dung dịch AgNO_3
 D. Fe_2O_3 tác dụng với dung dịch HCl loãng, dư

Câu 16: Nhúng thanh Zn tiếp xúc với thanh Cu vào dung dịch H_2SO_4 loãng, khi đó xảy ra quá trình ăn mòn điện hóa đồng thời tạo thành dòng điện. Tại anot (cực âm) xảy ra quá trình.

- A. $\text{Zn} \rightarrow \text{Zn}^{2+} + 2e$ B. $2\text{H}^+ + 2e \rightarrow \text{H}_2$
 C. $2\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{OH}^- + \text{H}_2 + 2e$ D. $\text{Cu}^{2+} + 2e \rightarrow \text{Cu}$

Câu 17: Công thức phân tử của tristearin là.

- A. $\text{C}_{54}\text{H}_{104}\text{O}_6$ B. $\text{C}_{57}\text{H}_{104}\text{O}_6$ C. $\text{C}_{54}\text{H}_{98}\text{O}_6$ D. $\text{C}_{57}\text{H}_{110}\text{O}_6$

Câu 18: Cho hỗn hợp X gồm Mg và Fe vào dung dịch H_2SO_4 đặc nóng đến khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch Y và một phần chất không tan chứa một kim loại. Chất tan có trong dung dịch Y là.

- A. MgSO_4 , FeSO_4 và $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ B. MgSO_4 và FeSO_4
 C. MgSO_4 và H_2SO_4 D. MgSO_4 và $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$

Câu 19: Cho dãy các kim loại: Ca, Na, Mg, Al, Cu. Số kim loại tác dụng với lượng dư dung dịch FeCl_3 sau khi kết thúc phản ứng thu được kết tủa là .

- A. 3 B. 5 C. 4 D. 2

Câu 20: Hiện tượng nào sau đây được mô tả **không** đúng:

- A. Đun nóng S với $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ thấy chất rắn chuyển từ màu da cam sang màu lục thẫm.
 B. Thổi khí NH_3 qua CrO_3 đun nóng thấy chất rắn chuyển từ màu đỏ sang màu lục thẫm.
 C. Đốt CrO trong không khí thấy chất rắn chuyển từ màu đen sang màu lục thẫm.
 D. Nung $\text{Cr}(\text{OH})_2$ trong không khí thấy chất rắn chuyển từ màu vàng nâu sang màu đen.

Câu 21: Số đồng phân amin có công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{13}\text{N}$ và cùng bậc với ancol có công thức $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}(\text{OH})\text{C}(\text{CH}_3)_3$ là.

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 7

Câu 22: Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
X	Quỳ tím	Quỳ tím chuyển màu xanh
Y	Nước brom	Dung dịch brom nhạt màu và có kết tủa màu trắng
Z	Dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$	Kết tủa Ag trắng sang bám vào thành ống nghiệm
T	$\text{Cu}(\text{OH})_2$	Dung dịch có màu xanh lam

Các dung dịch X, Y, Z, T lần lượt là

- A. Natri stearat, anilin, saccarozo, mantozo B. Natri stearat, anilin, mantozo, saccarozo
 C. Anilin, natri stearat, saccarozo, mantozo D. Anilin, natri stearat, mantozo, saccarozo

Câu 23: Cho dãy các chất: $\text{ClH}_3\text{NCH}_2\text{COONH}_4$; $\text{CH}_3\text{NH}_3\text{HCO}_3$; $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOCH}_3$; $\text{CH}_3\text{NH}_3\text{NO}_3$; $\text{HOOC}-[\text{CH}_2]_3-\text{CH}(\text{NH}_3\text{Cl})-\text{COONa}$; $\text{C}_6\text{H}_5\text{COOCH}_3$; $\text{CH}_3\text{COOC}_6\text{H}_5$ (C_6H_5- là gốc phenyl). Số chất trong dãy mà 1 mol chất đó phản ứng tối đa được với 2 mol NaOH là.

- A. 2 B. 3 C. 5 D. 4

Câu 24: Cho dãy các chất: phenyl axetat, metyl benzoat, metyl metacrylat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, triolein, vinyl axetat, tristearin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH loãng (dư), đun nóng sinh ra ancol là

- A. 8 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 25: Trường hợp nào sau đây thu được kết tủa khi phản ứng kết thúc.

- A. Cho lượng dư dung dịch NaOH vào dung dịch AlCl_3 .
 B. Cho lượng dư dung dịch NH_3 vào dung dịch CuCl_2 .
 C. Cho dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ vào lượng dư dung dịch HCl .
 D. Cho lượng dư dung dịch NaOH vào dung dịch CrCl_2 .



Điện thoại: 0903269191 hay www.fb/hochoacungthaydung

Câu 26: Phản ứng của cặp chất nào **không** tạo đồng thời kết tủa và khí thoát ra.

- A. dung dịch AlCl_3 và dung dịch Na_2CO_3 .
- B. dung dịch AlCl_3 và dung dịch NaOH .
- C. dung dịch AlCl_3 và dung dịch Na_2S .
- D. dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ và dung dịch NaHSO_4 .

Câu 27: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (1) Cho a mol Mg vào dung dịch chứa a mol $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$
 - (2) Cho a mol Fe tác dụng với dung dịch chứa 3a mol HNO_3 thu được khí NO là sản phẩm khử duy nhất
 - (3) Cho a mol Fe vào dung dịch chứa 3a mol AgNO_3
 - (4) Sục a mol khí CO_2 vào dung dịch chứa a mol $\text{Ca}(\text{OH})_2$
 - (5) Cho dung dịch chứa 3a mol NaOH vào dung dịch chứa a mol AlCl_3
- Sau khi kết thúc phản ứng, số trường hợp thu được dung dịch chứa hai muối là.

- A. 2
- B. 4
- C. 5
- D. 3

Câu 28: Cho một peptit sau: Gly-Ala-Val-Ala-Gly-Val-Phe. Thủy phân không hoàn toàn peptit này thành các peptit ngắn hơn. Trong số các peptit tạo ra có bao nhiêu peptit có phản ứng màu biure với $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

- A. 12
- B. 16
- C. 15
- D. 14

Đề số 2

Câu 1. Sản phẩm cuối cùng khi thủy phân tinh bột là.

- A. saccarozơ.
- B. fructozơ.
- C. xenlulozơ.
- D. glucozơ.

Câu 2. Chất có công thức phân tử $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$ là.

- A. mantozơ.
- B. saccarozơ.
- C. glucozơ.
- D. tinh bột.

Câu 3. Công thức nào sau đây **không** phải là chất béo.

- A. $(\text{C}_{17}\text{H}_{31}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.
- B. $(\text{CH}_3\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.
- C. $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.
- D. $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.

Câu 4. Triolein **không** tham gia phản ứng nào sau đây.

- A. Phản ứng cộng H_2 .
- B. Thủy phân trong môi trường kiềm.
- C. Thủy phân trong môi trường axit.
- D. Phản ứng với kim loại Na.

Câu 5. Chất nào sau đây thuộc loại disaccarit.

- A. Saccarozơ.
- B. Xenlulozơ.
- C. Glucozơ.
- D. Tinh bột.

Câu 6. Chất **không** tan được trong nước ở nhiệt độ thường là.

- A. glucozơ.
- B. tinh bột.
- C. fructozơ.
- D. saccarozơ.

Câu 7. Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ đều có khả năng tham gia phản ứng.

- A. trùng ngưng.
- B. hòa tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
- C. tráng bạc.
- D. thủy phân.

Câu 8. Thủy phân hoàn toàn triglixerit bằng dung dịch NaOH luôn thu được chất nào sau đây.

- A. Etylen glicol.
- B. Ancol etylic.
- C. Natri axetat.
- D. Glixerol.

Câu 10. Thuốc thử được dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly với Gly-Ala là.

- A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
- B. dung dịch NaOH.
- C. dung dịch NaCl.
- D. dung dịch HCl.

Câu 11. Thủy phân trieste của glixerol trong môi trường axit thu được glixerol và hỗn hợp axit béo $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COOH}$ và $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COOH}$. Số công thức cấu tạo trieste phù hợp với tính chất trên là.

- A. 4.
- B. 3.
- C. 5
- D. 6.

Câu 13. Cho dãy các chất: glucozơ, xenlulozơ, fructozơ, glixerol. Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng bạc là.

- A. 4.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 1.

Câu 16. Chất nào sau đây có thể chuyển hóa glucozo, fructozo (đều mạch hở) thành sản phẩm giống nhau là.

- A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
- B. Na.
- C. Br_2 .
- D. $\text{H}_2/\text{Ni}, t^\circ\text{C}$.

Câu 18. Cho alanin tác dụng với dung dịch HCl (dư) thu được sản phẩm X. Cho X tác dụng với lượng dư NaOH thu được sản phẩm hữu cơ Y. Công thức của Y là.

- A. $\text{CINH}_3\text{C}_2\text{H}_4\text{COONa}$.
- B. $\text{CINH}_3\text{C}_2\text{H}_4\text{COOH}$.



Câu 20. Ứng với công thức $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ có số đồng phân amin là.

- A. 3. B. 5. C. 2. D. 4.

Câu 21. Tinh bột **không** tham gia phản ứng nào.

- A. Phản ứng màu với iot. B. Phản ứng thủy phân xúc tác men.
C. Phản ứng tráng gương. D. Phản ứng thủy phân xúc tác axit.

Câu 22. Khi đốt cháy polime X chỉ thu được khí CO_2 và hơi nước với tỉ lệ số mol tương ứng là 1:1. Polime X là.

- A. Polipropilen. B. Polivinyl clorua. C. Tinh bột. D. Polistiren.

Câu 23. Trong các polime sau: (1) poli (metyl metacrylat); (2) polistiren; (3) nilon - 7; (4) poli (etylen-terephthalat); (5) nilon-6,6; (6) poli (vinyl axetat), (7) tơ nitron. Các polime là sản phẩm của phản ứng trùng hợp là:

- A. (1), (2), (3), (7). B. (1), (2), (6), (7). C. (2), (3), (6), (7). D. (1), (2), (4), (6).

Câu 28. Phát biểu **không** đúng là.

- A. Trong dung dịch, $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$ còn tồn tại dạng ion lưỡng cực $\text{H}_3\text{N}^+\text{CH}_2\text{COO}^-$.
B. Amino axit là hợp chất hữu cơ tạp chức, phân tử chứa đồng thời nhóm amino và nhóm cacboxyl.
C. Amino axit là những chất rắn, kết tinh, tan tốt trong nước và có vị ngọt.
D. Hợp chất $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}_3\text{NCH}_3$ là este của glyxin.

Câu 29. Số đồng phân tripeptit tạo thành từ 1 phân tử glyxin và 2 phân tử alanin là.

- A. 4. B. 3. C. 5. D. 6.

Câu 30. Chất hữu cơ X mạch hở có công thức phân tử là $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$. Thủy phân X trong môi trường axit, đun nóng thu được một axit cacboxylic và một ancol. Số đồng phân cấu tạo của X thỏa mãn là.

- A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 31. Có một số hợp chất sau: (1) etilen, (2) vinyl clorua, (3) axit adipic, (4) phenol, (5) acrilonitrin, (6) buta-1,3-dien. Những chất tham gia phản ứng trùng hợp là.

- A. (1), (2), (3), (4). B. (1), (4), (5), (6). C. (1), (2), (5), (6). D. (2), (3), (4), (5).

Câu 32. Este X đơn chức tác dụng với NaOH đun nóng thu được muối Y có công thức phân tử là $\text{C}_3\text{H}_3\text{O}_2\text{Na}$ và ancol Y_1 . Oxi hóa Y_1 bằng CuO dư nung nóng chỉ thu được anđehit Y_2 . Cho Y_2 tác dụng với lượng dư AgNO_3 trong dung dịch NH_3 , đun nóng thu được số mol Ag gấp 4 lần số mol Cu được tạo thành trong thí nghiệm oxi hóa ancol. Chất X là.

- A. metyl propionat. B. etyl propionat. C. metyl acrylat. D. metyl axetat.

Câu 34. Cho các chất: saccarozơ, glucozơ, fructozơ, etyl fomat, axit fomic và anđehit axetic. Trong các chất trên, số chất vừa có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc vừa có khả năng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở điều kiện thường là.

- A. 5. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 37. Cho các phát biểu sau:

- (a) Glucozơ được dùng để tráng gương, tráng ruột phích.
(b) Trong công nghiệp tinh bột dùng sản xuất bánh kẹo.
(c) Xenlulozơ là nguyên liệu chế tạo thuốc súng không khói.
(d) Trong công nghiệp dược phẩm saccarozơ dùng pha chế thuốc.

Số phát biểu **đúng** là.

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 38. Cho các phát biểu sau về cacbohidrat:

- (a) Glucozơ và saccarozơ đều là chất rắn có vị ngọt, dễ tan trong nước.
(b) Tinh bột và xenlulozơ đều là polisaccarit.
(c) Trong dung dịch, glucozơ và saccarozơ đều hòa tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$, tạo phức màu xanh lam.
(d) Khi thủy phân hoàn toàn hỗn hợp gồm tinh bột và saccarozơ trong môi trường axit, chỉ thu được một loại monosaccarit.
(e) Khi đun nóng glucozơ (hoặc fructozơ) với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 thu được Ag.
(f) Glucozơ và saccarozơ đều tác dụng với H_2 (xúc tác Ni, đun nóng) tạo sobitol.

Số phát biểu **đúng** là.

- A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.



Một số câu hỏi thêm: Tính chất của hợp chất kim loại

• **Mức độ thông hiểu**

Câu 1: Cho hỗn hợp các khí N_2 , Cl_2 , HCl , SO_2 , CO_2 , H_2 và O_2 . Sục từ từ qua dung dịch $NaOH$ dư thì thu được hỗn hợp khí bay ra có thành phần là.

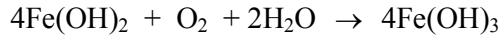
- A. N_2 , H_2 , O_2 .
B. Cl_2 , H_2 , O_2 , N_2 , CO_2 .
C. N_2 , Cl_2 , H_2 , O_2 .
D. N_2 , H_2 .

Câu 2: Hiện tượng xảy ra khi sục từ từ khí CO_2 đến dư vào dung dịch $Ba(OH)_2$ là.

- A. xuất hiện kết tủa trắng.
B. ban đầu tạo kết tủa trắng, sau đó tan dần.
C. sau 1 thời gian mới xuất hiện kết tủa trắng.
D. không xuất hiện kết tủa.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT Hiệp Hòa – Bắc Giang, năm 2016)

Câu 3: Cho phương trình hóa học phản ứng oxi hóa hợp chất $Fe(II)$ bằng oxi không khí:



Kết luận nào sau đây là **đúng**.

- A. $Fe(OH)_2$ là chất khử, O_2 là chất oxi hoá.
B. O_2 là chất khử, H_2O là chất oxi hoá.
C. $Fe(OH)_2$ là chất khử, H_2O là chất oxi hoá.
D. $Fe(OH)_2$ là chất khử, O_2 và H_2O là chất oxi hoá.
(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT Thuận Thành 3 – Bắc Ninh, năm 2016)

Câu 4: Chất nào sau đây vừa phản ứng với dung dịch $NaOH$ loãng, vừa phản ứng với dung dịch HCl .

- A. $CrCl_3$.
B. $CrCl_2$.
C. $Cr(OH)_3$.
D. Na_2CrO_4 .
(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 2 – THPT Lam Kinh – Nghệ An, năm 2016)

• **Mức độ vận dụng**

Câu 5: Hòa tan hỗn hợp hai khí CO_2 và NO_2 vào dung dịch KOH dư, thu được hỗn hợp các muối là.

- A. $KHCO_3$, KNO_3 .
B. K_2CO_3 , KNO_3 , KNO_2 .
C. $KHCO_3$, KNO_3 , KNO_2 .
D. K_2CO_3 , KNO_3 .
(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT Yên Định – Thanh Hóa, năm 2016)

Câu 6: Một mẫu khí thải có chứa CO_2 , NO_2 , N_2 và SO_2 được sục vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư. Trong bốn khí đó, số khí bị hấp thụ là.

- A. 3.
B. 1.
C. 4.
D. 2.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia – Sở GD và ĐT Đồng Tháp, năm 2016)

Câu 7: Dung dịch $NaOH$ loãng tác dụng được với tất cả các chất thuộc dãy nào sau đây.

- A. Al_2O_3 , CO_2 , dung dịch $NaHCO_3$, dung dịch $ZnCl_2$, NO_2 .
B. CO , H_2S , Cl_2 , dung dịch $AlCl_3$, C_6H_5OH .
C. NO , dung dịch $Cu(NO_3)_2$, dung dịch NH_4Cl , dung dịch HCl .
D. Dung dịch $NaAlO_2$, Zn , S , dung dịch $NaHSO_4$.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT chuyên Lê Khiết – Quảng Ngãi, năm 2016)

Câu 8: Dung dịch nào dưới đây tác dụng được với $NaHCO_3$.

- A. $CaCl_2$.
B. Na_2S .
C. $NaOH$.
D. $BaSO_4$.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 2 – THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu – An Giang, năm 2016)

Câu 9: Cô cạn dung dịch X chứa các ion Mg^{2+} , Ca^{2+} và HCO_3^- , thu được chất rắn Y. Nung Y ở nhiệt độ cao đến khối lượng không đổi thu được chất rắn Z gồm.

- A. MgO và $CaCO_3$.
B. $MgCO_3$ và $CaCO_3$.
C. $MgCO_3$ và CaO .
D. MgO và CaO .
(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT Yên Lạc 2 – Vĩnh Phúc, năm 2016)

Câu 10: Cho các dung dịch: HCl , $NaOH$, NH_3 , KCl . Số dung dịch phản ứng được với $AlCl_3$ là.

- A. 3.
B. 4.
C. 1.
D. 2.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT Quỳnh Lưu 1 – Nghệ An, năm 2016)

Câu 11: Khi nhỏ từ từ dung dịch $AlCl_3$ cho tới dư vào dung dịch $NaOH$ và lắc đều thì.

- A. đầu tiên không xuất hiện kết tủa, sau đó có kết tủa trắng keo.
B. đầu tiên xuất hiện kết tủa trắng keo, sau đó kết tủa tan lại.
C. đầu tiên xuất hiện kết tủa trắng keo, sau đó kết tủa không tan lại.
D. không thấy kết tủa trắng keo xuất hiện.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT chuyên Lê Quý Đôn – Đà Nẵng, năm 2016)

Câu 12: Sục từ từ khí CO_2 vào dung dịch natri aluminat đến dư thì.

- A. không có phản ứng xảy ra.
B. tạo kết tủa $Al(OH)_3$, phần dung dịch chứa Na_2CO_3 .



C. tạo kết tủa $Al(OH)_3$, phản dung dịch chứa $NaHCO_3$.

D. tạo kết tủa $Al(OH)_3$, sau đó kết tủa bị hòa tan lại.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT chuyên Lê Quý Đôn – Đà Nẵng, năm 2016)

Câu 13: Dãy gồm các chất đều tác dụng được với $Fe(NO_3)_2$ là.

A. $AgNO_3$, $NaOH$, Cu , $FeCl_3$.

B. $AgNO_3$, Br_2 , NH_3 , HCl .

C. KI , Br_2 , NH_3 , Zn .

D. $NaOH$, Mg , KCl , H_2SO_4 .

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 2 – THPT chuyên Lê Quý Đôn – Đà Nẵng, năm 2016)

Câu 14: Để bảo quản dung dịch $FeSO_4$ trong phòng thí nghiệm, người ta cần thêm vào dung dịch hoá chất nào dưới đây ?

A. Một đinh Fe sạch.

B. Dung dịch H_2SO_4 loãng.

C. Một dây Cu sạch.

D. Dung dịch H_2SO_4 đặc.

Câu 15: Cho dung dịch muối X đến dư vào dung dịch muối Y, thu được kết tủa Z. Cho Z vào dung dịch HNO_3 (loãng, dư), thu được chất rắn T và khí không màu hóa nâu trong không khí. X và Y lần lượt là.

A. $AgNO_3$ và $FeCl_2$.

B. $AgNO_3$ và $FeCl_3$.

C. Na_2CO_3 và $BaCl_2$.

D. $AgNO_3$ và $Fe(NO_3)_2$.

(Đề thi minh họa kỳ thi THPT Quốc Gia, năm 2017)

Câu 16: Nhỏ từ từ đến dư dung dịch $NaOH$ loãng vào mỗi dung dịch sau: $FeCl_3$, $Ca(HCO_3)_2$, $CrCl_3$, $AlCl_3$, $MgSO_4$. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số trường hợp thu được kết tủa là.

A. 3.

B. 1.

C. 2.

D. 4.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 2 – THPT chuyên Tuyên Quang, năm 2016)

Câu 17: Cho dãy các chất: $Fe(NO_3)_2$; $CuCl_2$; $MgCO_3$; $BaSO_4$. Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch $NaOH$ là.

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 1.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 4 – THPT Ngô Gia Tự – Vĩnh Phúc, năm 2016)

Câu 18: Lần lượt cho một mẫu Ba và các dung dịch K_2SO_4 , $NaHCO_3$, HNO_3 , NH_4Cl . Có bao nhiêu trường hợp xuất hiện kết tủa.

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 1.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 3 – THPT Quỳnh Lưu 1 – Nghệ An, năm 2016)

Câu 19: Cho dung dịch $Ba(HCO_3)_2$ lần lượt vào các dung dịch: $CaCl_2$, $Ca(NO_3)_2$, $NaOH$, Na_2CO_3 , $KHSO_4$, Na_2SO_4 , $Ca(OH)_2$, H_2SO_4 , HCl . Số trường hợp có tạo ra kết tủa là.

A. 6.

B. 7.

C. 4.

D. 5.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 2 – THPT Lê Xoay – Vĩnh Phúc, năm 2016)

Câu 20: Cho dãy các chất: NH_4Cl , $(NH_4)_2SO_4$, $NaCl$, $MgCl_2$, $FeCl_2$, $AlCl_3$. Số chất trong dãy tác dụng với lượng dư dung dịch $Ba(OH)_2$ tạo thành kết tủa là.

A. 5.

B. 1.

C. 3.

D. 4.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia – Sở GD và ĐT Thanh Hóa, năm 2016)

Câu 21: Thực hiện các thí nghiệm sau:

(1) Đốt dây sắt trong khí clo.

(2) Đốt nóng hỗn hợp bột Fe và S (trong điều kiện không có oxi).

(3) Cho FeO vào dung dịch HNO_3 (loãng dư).

(4) Cho Fe vào dung dịch $Fe_2(SO_4)_3$.

(5) Cho Fe vào dung dịch H_2SO_4 (loãng, dư).

Có bao nhiêu thí nghiệm tạo ra muối sắt(II).

A. 3.

B. 1.

C. 2.

D. 4.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia – Sở GD và ĐT Kiên Giang, năm 2016)

Câu 22: Thực hiện các thí nghiệm sau: Cho Fe vào dung dịch HCl ; Đốt dây sắt trong khí clo; cho Fe dư vào dd HNO_3 loãng; cho Fe vào dung dịch $AgNO_3$ dư; cho Fe vào dd $KHSO_4$. Số thí nghiệm tạo ra muối sắt(II) là.

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT chuyên Nguyễn Trãi – Hải Dương, năm 2016)

Câu 23: Cho các chất: Zn , Cl_2 , $NaOH$, $NaCl$, Cu , HCl , NH_3 , $AgNO_3$. Số chất tác dụng được với dung dịch $Fe(NO_3)_2$ là.



Điện thoại: 0903269191 hay www.fb/hochoacungthaydung

A. 5.

B. 7.

C. 6.

D. 4.

Câu 24: Tiến hành các thí nghiệm sau:

- (1) Cho dung dịch NaOH dư vào dung dịch $AlCl_3$
- (2) Cho dung dịch NH_3 dư vào dung dịch $AlCl_3$
- (3) Cho dung dịch HCl dư vào dung dịch $NaAlO_2$.
- (4) Sục khí CO_2 dư vào dung dịch $NaAlO_2$
- (5) Cho dung dịch Na_2CO_3 vào dung dịch nhôm sunfat.
- (6) Cho Al tác dụng với $Cu(OH)_2$.

Số thí nghiệm tạo kết tủa $Al(OH)_3$ là.

A. 3.

B. 2.

C. 5.

D. 4.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 1 – THPT Yên Định 2 – Thanh Hóa, năm 2016)

Câu 25: Cho các kim loại Fe, Mg, Cu và các dung dịch muối $AgNO_3$, $CuCl_2$, $Fe(NO_3)_2$. Trong số các chất đã cho, số cặp chất có thể tác dụng với nhau là

A. 7 cặp.

B. 8 cặp.

C. 9 cặp.

D. 6 cặp.

(Đề thi thử THPT Quốc Gia lần 3 – THPT chuyên Hạ Long – Quảng Ninh, năm 2016)

Câu 26: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (1) Cho CaC_2 và dung dịch $CuCl_2$.
- (2) Cho dung dịch $Fe(NO_3)_2$ vào dung dịch $AgNO_3$.
- (3) Cho dung dịch $Ba(HCO_3)_2$ vào dung dịch $NaHSO_4$.
- (4) Cho kim loại Fe vào dung dịch HCl.
- (5) Sục khí H_2S vào dung dịch $AlCl_3$.
- (6) Nhỏ dung dịch Na_2CO_3 vào dung dịch $FeCl_3$.

Sau khi kết thúc phản ứng. Số thí nghiệm vừa tạo khí, vừa tạo tủa là.

A. 3.

B. 2.

C. 4.

D. 5.

Câu 27: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (1) Cho dung dịch $AgNO_3$ vào dung dịch HCl.
- (2) Cho bột nhôm vào bình chứa khí clo.
- (3) Cho dung dịch $Fe(NO_3)_2$ vào dung dịch $AgNO_3$.
- (4) Nhỏ ancol etylic vào CrO_3 .
- (5) Sục khí SO_2 vào dung dịch thuốc tím.
- (6) Sục khí CO_2 vào thủy tinh lỏng.

Số thí nghiệm xảy ra phản ứng ở điều kiện thường là.

A. 6.

B. 4.

C. 5.

D. 3.

Câu 28: Cho hỗn hợp gồm Fe và Cu vào dung dịch chứa $AgNO_3$ và $Fe(NO_3)_3$. Sau phản ứng thu được dung dịch X chỉ chứa một muối và rắn Y. Phát biểu nào **đúng**.

A. X chứa $Fe(NO_3)_2$; Y chứa Cu, Ag, Fe.

B. X chứa $Fe(NO_3)_3$; Y chứa Cu, Ag.

C. X chứa $AgNO_3$; Y chứa Ag, Fe, Cu.

D. X chứa $Fe(NO_3)_2$; Y chứa Cu.

Câu 29: Cho bột Cu đến dư vào dung dịch hỗn hợp gồm $Fe(NO_3)_3$ và $AgNO_3$. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn X và dung dịch Y. X, Y lần lượt là.

A. X (Ag, Cu); Y (Ag^+ , Cu^{2+} , Fe^{2+}).

B. X (Cu, Ag); Y (Cu^{2+}).

C. X (Ag, Cu) và Y (Cu^{2+} , Fe^{2+}).

D. X (Cu, Ag); Y (Fe^{3+} , Cu^{2+}).

Câu 30: Thí nghiệm nào sau đây **không** xảy ra phản ứng hóa học.

A. Sục khí H_2S vào dung dịch $Cu(NO_3)_2$

B. Cho bột Al vào dung dịch H_2SO_4 loãng, nguội.

C. Sục CO_2 vào dung dịch Na_2CO_3 .

D. Cho $Al(OH)_3$ vào dung dịch NH_3 .

Câu 31: Có một hỗn hợp gồm: Fe, Ag, Cu. Tách Ag ra khỏi hỗn hợp với khối lượng không đổi người ta dùng dung dịch.

A. $Mg(NO_3)_2$.

B. $Cu(NO_3)_2$.

C. $AgNO_3$.

D. $Fe(NO_3)_3$.

Câu 32: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (1) Cho kim loại Na vào dung dịch $CuSO_4$.
- (2) Cho dung dịch $Fe(NO_3)_2$ vào dung dịch $AgNO_3$.
- (3) Cho kim loại Cu vào dung dịch $FeCl_3$.
- (4) Cho kim loại Fe vào dung dịch $CuCl_2$.
- (5) Cho dung dịch $AgNO_3$ vào dung dịch $CuCl_2$.
- (6) Điện phân dung dịch NaCl bằng điện cực trơ, không màng ngăn xốp.

Sau khi kết thúc phản ứng, số thí nghiệm tạo ra đơn chất là.

A. 3

B. 2

C. 4

D. 5